

THÔNG BÁO

Các khoản thu Tháng 11 năm 2023 - Khối 10

Căn cứ Thông báo số 356/TB-NAN ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Trường THPT Nguyễn An Ninh về các khoản thu năm học 2023 - 2024;

Trường THPT Nguyễn An Ninh thông báo:

1. Khoản thu đầu năm học, tháng 9 và tháng 10 năm 2023

Hiện nay, nhà trường đã nhận được các khoản thu do một số cha mẹ học sinh đóng cho các khoản thu đầu năm học, tháng 9 và tháng 10/2023 (*thông tin chi tiết đính kèm*). Kính gửi đến quý cha mẹ học sinh thông tin chi tiết để kiểm tra, rà soát lại. Nếu có nội dung nào chưa phù hợp, kính nhờ cha mẹ học sinh thông tin, gửi minh chứng để giáo viên chủ nhiệm cập nhật với Bộ phận Kế toán của trường.

Kính thông tin các khoản thu (chi tiết theo Thông báo số 356/TB-NAN) như sau:

1.1. Tổng số tiền các khoản thu

- Tổng thu đầu năm học: **1.230.400đ + 45.000đ** (BHTN HS không bắt buộc).
- Trừ khoản tạm thu khi nhập học (*nếu có*): **- 600.000đ**
- Các khoản thu tháng 9 và 10/2023 (học phí tạm chưa thu):
 - ✓ Lớp Tăng cường Tiếng Anh (10A1, 10A2): **975.000đ/tháng**.
 - ✓ Lớp không học Tin học (10A8, 10A10, 10A12, 10A13): **615.000đ/tháng**.
 - ✓ Các lớp còn lại: **825.000đ/tháng**.

1.2. Thu dịch vụ phục vụ hoạt động bán trú: **270.000đ/học sinh**; gồm:

- Mua hộ gói và chiếu: **170.000đ/học sinh**
- Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú đầu năm học: **100.000đ/học sinh**
- Thu tiền dịch vụ bán trú tháng 9&10/2023 là **810.000đ/tháng** gồm:
 - ✓ Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú...: **250.000đ/học sinh**
 - ✓ Tiền ăn: **35.000đ/phần ăn** (*mỗi tháng thu 16 buổi, tương ứng 560.000đ*)

1.3. Các khoản thu vận động (theo Kế hoạch vận động tài trợ của trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt):

- Kinh phí vận động cải tạo phòng học: mức vận động **1.300.000đ/năm học**.
- Quỹ Cha mẹ học sinh, tài trợ các hoạt động giáo dục và Quỹ Khuyến học – Khuyến tài: không quy định mức thu, tùy khả năng của cha mẹ học sinh.

2. Khoản thu tháng 11 năm 2023

1.1. Học phí:

Căn cứ Công văn số 6208/SGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; mức tạm thu học phí là **120.000đ/tháng** (tính từ tháng 9/2023) đến khi có hướng dẫn mới.

Nhằm giãn thu cho quý phụ huynh, nhà trường triển khai thu học phí như sau:

- Tháng 11/2023: thu **240.000đ** cho 02 tháng học phí (Tháng 9&10/2023).
- Tháng 12/2023: thu **240.000đ** cho 02 tháng học phí (Tháng 11&12/2023).
- Từ tháng 01/2024 trở đi sẽ thu theo từng tháng, có thông báo sau.

Học sinh thuộc diện miễn, giảm học phí¹ nộp đơn (theo mẫu) và hồ sơ minh chứng (nếu chưa nộp) cho Phòng Tài vụ trước ngày **10/11/2023**.

1.2. Tổng các khoản thu (kể cả học phí) trong tháng 11/2023 (chi tiết theo Thông báo)

- Lớp Tăng cường Tiếng Anh (10A1, 10A2): **975.000đ + 240.000đ**
- Lớp không học Tin học (10A8, 10A10, 10A12, 10A13): **615.000đ + 240.000đ**.
- Các lớp còn lại: **825.000đ + 240.000đ**.

1.3. Thu dịch vụ phục vụ hoạt động bán trú: **810.000đ/học sinh**; gồm:

- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú...: 250.000đ/học sinh
- Tiền ăn: 35.000đ/phần ăn (mỗi tháng thu 16 buổi, tương ứng 560.000đ)

1.4. Phương án thu:

Ngoài thu trực tiếp tại Phòng Tài vụ, khuyến khích chuyển khoản:

- Số tài khoản: 110002900602
- Tên tài khoản: TRUONG THPT NGUYEN AN NINH
- Ngân hàng: VietinBank Chi nhánh 2 TP.Hồ Chí Minh
- Vui lòng ghi rõ: họ tên học sinh, lớp, nội dung thu ("cac khoan dau NH")

3. Một số quy định khác

Danh sách học sinh được miễn, giảm các khoản thu đã được nhà trường thông báo cùng với các khoản thu được miễn, giảm cụ thể.

Nhà trường sẽ tổng hợp các khoản thu hàng tuần để báo phụ huynh thông qua giáo viên chủ nhiệm (group zalo); nếu có sai sót, vui lòng liên hệ Phòng Tài vụ hoặc cô Phượng (Phó Hiệu trưởng) để rà soát.

Kính mong quý cha mẹ học sinh hỗ trợ, thanh toán trước ngày **15/11/2023**./.

THÁNG 11 NĂM 2023

¹ Theo Điều 15, 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (phụ lục đính kèm);

TRÍCH NỘI DUNG

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Điều 15. Đối tượng được miễn học phí

1. Các đối tượng theo quy định tại [Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng](#) nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.
3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của [Luật Giáo dục nghề nghiệp](#).
4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
5. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
6. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).
7. Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.
8. Học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2022 - 2023 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2022).
9. Học sinh trung học cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều này được miễn học phí từ năm học 2025 - 2026 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2025).
10. Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
11. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học.
12. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

13. Sinh viên học chuyên ngành Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

14. Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh học một trong các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Giám định pháp Y, Pháp y tâm thần và Giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế công lập theo chỉ tiêu đặt hàng của Nhà nước.

15. Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

16. Người học thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

17. Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.

18. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

19. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của [Luật Giáo dục nghề nghiệp](#). Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 16. Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí

1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

a) Học sinh, sinh viên học các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tư thục có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống;

b) Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

c) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

a) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối tượng được hỗ trợ tiền đóng học phí: Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí./.